

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VIỆT BẮC
VIETBAC UNIVERSITY**



**KẾ HOẠCH
CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VIỆT BẮC
Giai đoạn 2013 - 2020
và tầm nhìn đến năm 2030**

**(Ban hành kèm theo Quyết định số 18/QĐ-ĐHVB ngày 08/3/2013 của
Trường Đại học Việt Bắc)**

Thái Nguyên, tháng 03 năm 2013

**KẾ HOẠCH CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VIỆT BẮC
GIAI ĐOẠN 2013 - 2020 VÀ TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2030**

PHẦN I

GIỚI THIỆU CHUNG VỀ TRƯỜNG ĐẠI HỌC VIỆT BẮC

1.1. Thông tin chung về Trường Đại học Việt Bắc

1.1.1. Tên trường

- Tên tiếng Việt: Trường Đại học Việt Bắc.
- Tên tiếng Anh: Vietbac University.

1.1.2. Địa chỉ và thông tin liên hệ

- Địa chỉ: Xã Đồng Bầm - Thành phố Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên;
- Website: WWW.vietbac.edu.vn
- Số điện thoại: (0208) 3755 878 - Fax: (0208) 3522 025

1.1.3. Cơ quan quản lý:

Trường Đại học Việt Bắc chịu sự quản lý nhà nước về giáo dục của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trường chịu sự quản lý hành chính theo lãnh thổ của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên theo Điều lệ, Quy chế tổ chức hoạt động của trường đại học do Thủ tướng Chính phủ ban hành và quy định của pháp luật.

1.2. Vai trò và vị trí của Kế hoạch chiến lược phát triển Trường Đại học Việt Bắc

Ngày nay, Việt Nam ngày càng coi trọng giáo dục – đào tạo và nghiên cứu khoa học, đặc biệt là hệ thống các trường đại học, nơi đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao quyết định sự thành công của sự nghiệp công nghiệp hóa và hiện đại hóa đất nước gắn với phát triển nền kinh tế tri thức. Đảng và Nhà nước ta đã khẳng định “*Giáo dục đào tạo cùng với khoa học công nghệ là quốc sách hàng đầu*”¹ để sáng tạo ra hệ thống giá trị hiện đại, mới mẻ làm nguồn lực thúc đẩy và phát triển kinh tế - xã hội. Năm 2013, Nghị quyết số 29-NQ/TW của Đảng về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng XHCN và hội nhập quốc tế đã xác định: “*Hoàn thiện cơ chế hợp tác song phương và đa phương, thực hiện các cam kết quốc tế về giáo dục, đào tạo ... mở rộng liên kết đào tạo với những cơ sở đào tạo nước ngoài có uy tín, chủ yếu trong giáo dục đại học và giáo dục nghề nghiệp... có cơ chế khuyến khích các tổ chức quản lý quốc tế, cá nhân nước ngoài, người Việt Nam ở nước ngoài tham gia hoạt động đào tạo nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao khoa học và công nghệ Việt Nam. Tăng cường giao lưu văn hóa và học thuật quốc tế*”². Những chỉ dẫn quan trọng

này của Đảng là cơ sở thúc đẩy nâng cao chất lượng giáo dục Việt Nam trong thời kỳ hội nhập quốc tế.

Trong các văn kiện trình Đại hội XII, Đảng ta nhấn mạnh sự quan tâm đặc biệt và làm rõ hơn lập trường, quan điểm, tính nhất quán về sự cần thiết phải đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục, đào tạo, phát triển nguồn nhân lực. Kế thừa quan điểm chỉ đạo của nhiệm kỳ trước, Đảng ta đưa ra đường lối đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục, đào tạo, phát triển nguồn nhân lực, xác định đây là một kế sách, quốc sách hàng đầu, tiêu điểm của sự phát triển, mang tính đột phá, khai mở con đường phát triển nguồn nhân lực Việt Nam trong thế kỷ XXI, khẳng định triết lý nhân sinh mới của nền giáo dục nước nhà “dạy người, dạy chữ, dạy nghề”.

Đề án đổi mới giáo dục đại học Việt Nam đến năm 2020 đã khẳng định các mục tiêu cơ bản:

Mặc dù đạt được một số thành tựu cơ bản nhưng giáo dục nước ta vẫn còn tồn tại một số nhược điểm như sau: chất lượng giáo dục còn thấp so với yêu cầu phát triển của đất nước trong thời kỳ mới; chương trình giáo dục đại học còn chậm đổi mới, chưa đáp ứng được mục tiêu giáo dục; đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục chưa đáp ứng được nhiệm vụ giáo dục trong thời kỳ mới; cơ sở vật chất kỹ thuật của nhà trường còn thiếu thốn và lạc hậu ...

Trường Đại học Việt Bắc là một trường đại học tự thực phi lợi nhuận, nằm ở tỉnh Thái Nguyên, Thủ phủ của khu tự trị Việt Bắc, Trung tâm văn hoá - kinh tế - xã hội của vùng trung du và miền núi phía Bắc Tổ quốc, xác định vai trò và nhiệm vụ của mình góp phần vào sự nghiệp đào tạo nguồn nhân lực, nghiên cứu khoa học (NCKH) và chuyển giao công nghệ, đóng góp vào sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Thái Nguyên và vùng trung du miền núi phía Bắc tổ quốc.

Để đáp ứng được nhiệm vụ nêu trên, Trường Đại học Việt Bắc phải phấn đấu xây dựng và phát triển trở thành một trung tâm đào tạo đại học - sau đại học, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ hàng đầu trong khu vực trung du và miền núi phía Bắc và là một trường đại học có uy tín trong cả nước và trong khu vực ASEAN.

Muốn hoàn thành được mục tiêu này, Trường Đại học Việt Bắc phải có kế hoạch từng bước xây dựng và phát triển nhà trường phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và xu hướng phát triển giáo dục đại học của Việt Nam, đồng thời phù hợp với đặc điểm và khả năng riêng của Nhà trường trong giai đoạn hiện tại và tương lai đến năm 2030. Vì vậy, Trường Đại học Việt Bắc phải xây dựng "Kế hoạch chiến lược phát triển Trường Đại học Việt Bắc giai đoạn 2013 - 2020 và tầm nhìn đến 2030" một cách khoa học, thực tiễn và khách quan.

1.3. Hệ thống văn bản, cơ sở pháp lý để xây dựng Kế hoạch chiến lược phát triển Trường Đại học Việt Bắc giai đoạn 2013 - 2020 và tầm nhìn đến 2030

Kế hoạch chiến lược được xây dựng trên những căn cứ và cơ sở pháp lý sau:

- Luật Giáo dục được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XI, kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 14 tháng 6 năm 2005;

- Nghị định số 75/2006/NĐ-CP ngày 02/8/2006 của Thủ tướng Chính phủ về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giáo dục;

- Chỉ thị số 296/CT-TT ngày 27/02/2010 của Thủ tướng Chính phủ về đổi mới quản lý giáo dục đại học giai đoạn 2010-2012.

- Nghị quyết số 14/2005/NQ-CP ngày 02/11/2005 của Chính phủ về đổi mới cơ bản và toàn diện giáo dục Việt Nam giai đoạn 2006-2020;

- Nghị quyết số 05/NQ-BCSD ngày 06/01/2010 của Ban Cán sự Đảng Bộ GD&ĐT về đổi mới quản lý giáo dục đại học giai đoạn 2010-2012;

Căn cứ Quyết định số 58/2010/QĐ-TTg ngày 17/4/2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Điều lệ trường đại học;

Căn cứ Quyết định số 61/2010/QĐ-TTg ngày 22/9/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường đại học tự thực;

- Quyết định số 201/2001/QĐ-TTg ngày 28/12/2001 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt chiến lược phát triển giáo dục 2001- 2010;

- Quyết định số 47/2001/QĐ-TTg ngày 04/4/2001 của Thủ tướng Chính phủ về kế hoạch mạng lưới các trường đại học, cao đẳng Việt Nam giai đoạn 2001- 2010;

- Quyết định số 09/2005/QĐ-TTg ngày 11/01/2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt đề án “Xây dựng, nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục giai đoạn 2005-2010”;

- Đề án thành lập trường Đại học Việt Bắc và Quyết định số 1341/QĐ-TTg ngày 5 tháng 8 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Việt Bắc;

- Quyết định số 1736/QĐ-UBND ngày 22/7/2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc phê duyệt kế hoạch tổng thể xây dựng Trường Đại học Việt Bắc.

- Quy chế tổ chức và hoạt động của trường Đại học Việt Bắc ban hành kèm theo Quyết định số 03/QĐ-HĐQT ngày 05 tháng 9 năm 2011 của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Ngoài ra, việc xây dựng Kế hoạch chiến lược phát triển trường còn dựa vào một số căn cứ khác như: Phân tích bối cảnh quốc tế và khu vực, trong và ngoài nước, nhu cầu về nguồn nhân lực của khu vực miền núi phía Bắc Việt Nam; Các thông tin dự báo, định hướng phát triển của Nhà nước, của Bộ GD&ĐT, ĐHTN; Phân tích đánh giá thực trạng của Nhà trường.

1.4. Mục đích xây dựng văn bản Kế hoạch

Sự gia nhập WTO và hội nhập với nền kinh tế toàn cầu đã đem đến cho Việt Nam nói chung và nền giáo dục nói riêng nhiều cơ hội phát triển cũng như những thách thức mới. Nghị quyết của Chính phủ số 14/2005/NQ-CP ngày 02/11/2005 về đổi mới cơ bản và toàn diện giáo dục Việt Nam giai đoạn 2006-2020 đã xác định “Đổi mới cơ bản và toàn diện giáo dục đại học, tạo được chuyển biến cơ bản về chất lượng, hiệu quả và quy mô, đáp ứng yêu cầu ... hội nhập kinh tế quốc tế và nhu cầu học tập của nhân dân. Đến năm 2020, giáo dục đại học Việt Nam đạt trình độ tiên tiến trong khu vực và tiếp cận trình độ tiên tiến trên thế giới; có năng lực cạnh tranh cao, thích ứng với cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa”.

Trong hoàn cảnh thế giới đang có xu hướng hội nhập cao, luôn luôn thay đổi, năng động như hiện nay thì bất kỳ một quốc gia nào, một doanh nghiệp nào, một đơn vị nào muốn phát triển bền vững cũng đều phải xây dựng Kế hoạch phát triển, trong đó phải đánh giá được hiện tại và dự báo tương lai một cách chính xác.

Là một trường đại học nằm trong hệ thống giáo dục đại học của Việt Nam, Đại học Việt Bắc cũng phải hoạch định những chiến lược phát triển và những biện pháp thực hiện để đạt được mục tiêu chung của nền giáo dục và mục tiêu phát triển riêng của Nhà trường. Vì vậy, "**Kế hoạch chiến lược phát triển Trường Đại học Việt Bắc giai đoạn 2013 - 2020 và tầm nhìn đến 2030**" vừa là cái đích mà Trường cần đạt được trong từng giai đoạn và tổng thể đến năm 2030, vừa là cơ sở để xây dựng Kế hoạch phát triển trung hạn và Kế hoạch hàng năm của Nhà trường. Ngoài ra, việc xây dựng Kế hoạch chiến lược tốt giúp cho Nhà trường định hướng được tương lai; phát triển được các Kế hoạch ngắn hạn và dài hạn có kết quả tốt; đối phó có hiệu quả các sự thay đổi trong quá trình thực hiện Kế hoạch; nâng cao được chất lượng quản lý nội bộ; xây dựng đội ngũ cán bộ nhân viên làm việc có tính chuyên nghiệp.

1.5. Quá trình xây dựng Kế hoạch chiến lược phát triển Trường Đại học Việt Bắc giai đoạn 2013 - 2020 và tầm nhìn đến 2030

Để xây dựng Kế hoạch chiến lược phát triển Trường Đại học Việt Bắc, năm 2013, Trường đã thành lập Hội đồng xây dựng Kế hoạch chiến lược phát triển Trường đến năm 2030 do Hiệu trưởng làm Chủ tịch Hội đồng và thành lập các tổ chuyên môn về các lĩnh vực khác nhau giúp việc cho Hội đồng (như: Tổ Đào tạo - NCKH - QHQT, tổ Tổ chức cán bộ, tổ Kế hoạch tài chính .v.v...). Sau khi bản thảo "Kế hoạch chiến lược phát triển Trường Đại học Việt Bắc giai đoạn 2013 - 2020 và tầm nhìn đến 2030" hoàn thành, Nhà trường đã

tổ chức lấy ý kiến đông đảo cán bộ, nhân viên, giảng viên và Chi bộ Đảng, Công đoàn trường. Tổng kết tất cả các ý kiến đóng góp, Hội đồng xây dựng Kế hoạch chiến lược phát triển đã chỉnh sửa để có bản "Kế hoạch chiến lược phát triển Trường Đại học Việt Bắc giai đoạn 2013 - 2020 và tầm nhìn đến 2030" chính thức trình Hội đồng quản trị Nhà trường. Hội đồng quản trị đã thông qua và có Quyết định số 05/QĐ-ĐHVB ngày 02 tháng 3 năm 2013 về việc ban hành "Kế hoạch chiến lược phát triển Trường Đại học Việt Bắc giai đoạn 2013 - 2020 và tầm nhìn đến 2030".

1.6. Đánh giá bản Kế hoạch chiến lược phát triển

Đánh giá: Lãnh đạo Trường Đại học Việt Bắc bao gồm nhiều GS, PGS, TS, nguyên là Giám đốc, Phó giám đốc Đại học Thái Nguyên, Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng các trường đại học nên có nhiều kinh nghiệm trong quản trị đại học, đặc biệt là xây dựng các Kế hoạch chiến lược, Kế hoạch trung hạn, ngắn hạn phát triển nhà trường.

- Kế hoạch chiến lược phát triển Trường Đại học Việt Bắc giai đoạn 2013 - 2020 và tầm nhìn đến 2030 được xây dựng phù hợp với xu hướng phát triển kinh tế - xã hội của các tỉnh trung du và miền núi phía Bắc và cả nước; phù hợp với định hướng Đổi mới căn bản, toàn diện Giáo dục Việt Nam.

- Kế hoạch chiến lược phát triển Trường Đại học Việt Bắc giai đoạn 2013 - 2020 và tầm nhìn đến 2030 được xây dựng phù hợp với định hướng phát triển và đặc biệt phù hợp với kế hoạch tài chính của Hội đồng quản trị Trường Đại học Việt Bắc.

1.7. Giá trị sử dụng của văn bản Kế hoạch chiến lược phát triển Trường Đại học Việt Bắc giai đoạn 2013 - 2020 và tầm nhìn đến 2030

- Làm định hướng chiến lược phát triển trong tương lai cho toàn bộ hoạt động của Nhà trường và các đơn vị; làm cơ sở để xây dựng chiến lược cho các giai đoạn ngắn hạn và trung hạn;

- Làm cơ sở trong việc xây dựng bộ máy và cơ cấu tổ chức của Nhà trường, đổi mới đào tạo, nghiên cứu khoa học, hợp tác quốc tế và quản lý công tác đào tạo trong Nhà trường;

- Làm cơ sở để giám sát, tổng kết đánh giá kết quả điều chỉnh các hoạt động của Nhà trường và xây dựng các Kế hoạch dự phòng nhằm nâng cao hiệu quả quản lý và giảm bớt rủi ro có thể xảy ra trong tương lai;

- Xác định các lĩnh vực ưu tiên cho từng giai đoạn phát triển của Nhà trường;

- Xây dựng và nâng cao hiệu quả phối hợp giữa các đơn vị trong Trường và giữa Nhà trường với các đơn vị bên ngoài trường.

PHẦN II

SỨ MẠNG, TẦM NHÌN VÀ CÁC GIÁ TRỊ

2.1. Sứ mạng:

Trường Đại học Việt Bắc là trường đại học tư thục đa ngành, hoạt động không vì lợi nhuận, có sứ mạng đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, triển khai nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của khu vực trung du và miền núi phía Bắc và cả nước.

2.2. Tầm nhìn

Đến năm 2030, Trường Đại học Việt Bắc sẽ trở thành trường đại học tư thục phi lợi nhuận, đa ngành, định hướng ứng dụng có uy tín cao trong lĩnh vực đào tạo, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ trong khu vực trung du - miền núi phía Bắc và trong cả nước.

2.3. Hệ thống giá trị cơ cốt lõi

Trường Đại học Việt Bắc luôn coi trọng *tính năng động, sáng tạo, trung thực, trách nhiệm* và lấy làm Hệ thống giá trị cốt lõi của Nhà trường.

Sáng tạo là bản chất và là mục tiêu của giáo dục đại học nhằm kiến tạo tri thức trong một xã hội tri thức và nền kinh tế tri thức. Sáng tạo vừa là mục đích vừa là phương tiện phát triển của đại học.

Năng động là phẩm chất mà đội ngũ cán bộ của Trường cũng như người học cần có trong một môi trường luôn thay đổi, cạnh tranh và hợp tác. Cạnh tranh và hợp tác lành mạnh là động lực để cùng nhau tồn tại và cùng phát triển ở bất cứ môi trường nào, đặc biệt là môi trường giáo dục và đào tạo.

Trung thực là một phẩm chất nhân bản quan trọng. Đào tạo và nghiên cứu khoa học phải trung thực. Có như vậy, giáo dục đại học mới có ý nghĩa với sự phát triển và thịnh vượng của đất nước.

Trách nhiệm là phẩm chất của người lao động đối bản thân, với cộng đồng và với sản phẩm lao động của mình. Sản phẩm của giáo dục và đào tạo là con người nên tinh thần trách nhiệm lại càng đòi hỏi cao hơn.

PHẦN III

PHÂN TÍCH BỐI CẢNH VÀ THỰC TRẠNG NHÀ TRƯỜNG

3.1. Phân tích bối cảnh

3.1.1. Bối cảnh quốc tế và khu vực

a. *Cuộc cách mạng Khoa học công nghệ tiếp tục phát triển mạnh mẽ, làm nền tảng cho sự phát triển kinh tế tri thức. Khoa học - công nghệ trở thành động lực cơ bản của sự phát triển kinh tế - xã hội. Sự phát triển của khoa học công nghệ đã làm thay đổi mạnh mẽ nội dung, phương pháp giáo dục trong các nhà trường.*

b. *Toàn cầu hoá và hội nhập quốc tế vừa là quá trình hợp tác để phát triển vừa là quá trình đấu tranh để bảo vệ quyền lợi quốc gia. Cạnh tranh kinh tế giữa các quốc gia, đòi hỏi phải đổi mới công nghệ để tăng năng suất lao động, đặt ra yêu cầu mới cho nhà trường. Giáo dục đóng vai trò quan trọng trong việc chuẩn bị nguồn nhân lực có chất lượng cho đất nước và tạo cơ hội học tập cho mỗi người dân.*

c. *Công nghệ thông tin và truyền thông được ứng dụng trên quy mô rộng lớn ở mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, đặc biệt trong giáo dục. Giáo dục từ xa đã trở thành một thế mạnh của thời đại, thích ứng với nhu cầu của từng người học. Sự phát triển của các phương tiện truyền thông, mạng viễn thông, công nghệ tin học tạo thuận lợi cho giao lưu và hội nhập văn hoá, nhưng cũng tạo điều kiện cho sự du nhập những giá trị xa lạ vào nhà trường.*

d. *Cùng với quá trình hội nhập kinh tế thế giới, giáo dục đại học đang có xu hướng quốc tế hóa ngày càng mạnh mẽ. Điều đó đã mang lại nhiều cơ hội cho các trường đại học, được tiếp cận, học hỏi những tiến bộ khoa học kỹ thuật tiên tiến, đẳng cấp. Tuy nhiên, các trường đại học cũng đứng trước những thách thức đó là việc cạnh tranh để thu hút người học mà trở ngại lớn nhất là thiếu đội ngũ giảng viên có trình độ cao, kiến thức vững vàng, kỹ năng chuyên nghiệp.*

3.1.2. Bối cảnh trong nước

3.1.2.1. Bối cảnh chính trị, xã hội:

- Việt Nam đang thực hiện công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong xu thế hòa nhập và toàn cầu hóa để đạt được mục tiêu đến năm 2020 trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại mang đặc trưng của nền kinh tế tri thức. Điều đó đòi hỏi ngày càng cao về nguồn lực con người, năng lực khoa học và công nghệ. Đây là điều kiện thuận lợi để các trường đại học phát triển quy mô và nâng cao chất lượng đào tạo đáp ứng nhu cầu của xã hội;

- Lĩnh vực giáo dục, đào tạo và khoa học công nghệ được Đảng và Nhà nước xác định là quốc sách hàng đầu. Nghị quyết số 29/NQ/TW về đổi mới toàn diện, căn bản giáo dục đang được đặc biệt quan tâm của toàn Đảng, toàn dân. Ngành giáo dục, đặc biệt là giáo dục đại học đang thực hiện mạnh mẽ về đổi mới hình thức, nội dung, chương trình đào tạo và phương pháp dạy – học là yếu tố quan trọng để các trường thay đổi diện mạo và chủ động hội nhập quốc tế;

- Đến năm 2020 sẽ có thêm các trường đại học và cao đẳng tư thục, đại học quốc tế ra đời theo chủ trương xã hội hóa giáo dục của Đảng và Nhà nước. Sự xuất hiện ngày càng nhiều các cơ sở đào tạo đại học trong nước và đại học nước ngoài tại Việt Nam, sự cạnh tranh gay gắt giữa các cơ sở đào tạo kinh tế trong nước và trên địa bàn đòi hỏi các trường đại học phải thực sự quan tâm đến chất lượng và hiệu quả đào tạo.

3.1.2.2. Bối cảnh kinh tế

Gia nhập WTO, nền kinh tế Việt Nam đang đứng trước nhiều cơ hội phát triển vươn mình nhưng cũng đứng trước những thách thức không nhỏ, tác động của sự khủng hoảng kinh tế thế giới vào đầu năm 2009 là ví dụ điển hình. Tuy nhiên đến nay, sau khi hòa nhập với nền kinh tế quốc tế, kinh tế Việt Nam đang có những khởi sắc đáng mừng. Theo tài liệu đánh giá tình hình kinh tế châu Á "Asia Economic Monitor" của Ngân hàng phát triển châu Á (ADB) ngày 14/12/2009 dự đoán kinh tế Việt Nam sẽ tiếp tục đà tăng trưởng cao ở khu vực Đông Nam Á trong năm 2010 với mức tăng trưởng 6,5%. Các chuyên gia ADB cho rằng nền kinh tế Việt Nam bắt đầu phục hồi sau những tác động của cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu trong quý I năm 2009.

3.1.2.3 Về giáo dục đào tạo

Giáo dục - đào tạo đóng vai trò chủ yếu trong việc giữ gìn, kế thừa và phát triển những giá trị của thành tựu trong nền văn minh nhân loại. Trong thời đại của cuộc cách mạng khoa học công nghệ ngày nay, tri thức trở thành động lực chính của sự tăng tốc phát triển và giáo dục - đào tạo được coi là nhân tố quyết định sự thành bại của mỗi quốc gia trên trường quốc tế và sự thành đạt của mỗi thành viên trong cuộc sống.

Sự nghiệp giáo dục đào tạo nước ta đã tiến một số bước dài và phát triển. Đã đa dạng hóa các loại hình trường lớp và phương thức giáo dục. Quy mô đào tạo tăng nhanh, 95% dân cư từ 15 tuổi trở lên biết chữ, đào tạo được một lực lượng lao động có chuyên môn kỹ thuật (khoảng 8 triệu người, chiếm 18,3% trong tổng số 43,8 triệu lao động trong cả nước).

Tại các kỳ Đại hội của Đảng, báo cáo của Ban Chấp hành Trung ương liên tục khẳng định yêu cầu “Đào tạo, bồi dưỡng và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực để đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hóa... Đối với

giáo dục đại học, báo cáo đã phác họa phương hướng phát triển là: mở rộng quy mô một cách hợp lý và nâng cao chất lượng đào tạo đại học kết hợp đào tạo mới và đào tạo lại, phát triển giáo dục và đào tạo đỉnh cao nhằm chọn lọc, xây dựng đội ngũ chuyên gia khoa học công nghệ và văn hóa, những nhà kinh doanh giỏi, đội ngũ công chức và cán bộ lãnh đạo, quản lý khoa học có năng lực,... Đồng thời báo cáo cũng nhấn mạnh phương hướng nhiệm vụ: đổi mới giáo dục chuyên nghiệp và đại học, cơ cấu lại chương trình, lựa chọn lại nội dung có tính cơ bản, hiện đại, đổi mới phương pháp giáo dục đào tạo, kết hợp đào tạo với nghiên cứu, tạo nguồn lực có đủ khả năng tiếp cận công nghệ tiên tiến.

Một trong những tiền đề quan trọng, có ý nghĩa quyết định đối với sự thành công của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước là việc đảm bảo nguồn nhân lực có cơ cấu, chất lượng phù hợp với yêu cầu, đủ khả năng tiếp cận 20 nền khoa học và công nghệ tiên tiến.

Thực hiện chủ trương Xã hội hoá giáo dục và đào tạo, hệ thống các trường đại học ngoài công lập phát triển mạnh từ những năm 2005 và đã đóng một vai trò quan trọng trong giáo dục đào tạo.

Là một trong những trường đại học cung cấp nguồn nhân lực về khoa học kỹ thuật cho các tỉnh vùng trung du và miền núi phía Bắc, Trường Đại học Việt Bắc đang đứng trước những cơ hội to lớn, song đồng thời cũng đang đứng trước những thử thách không nhỏ.

3.2. Đánh giá tác động chung và phân tích cạnh tranh

3.2.1. Đánh giá tác động chung

3.2.1.1. Thuận lợi

- Thuận lợi chung đối với giáo dục đại học Việt Nam:

+ Sự tăng tốc của cuộc cách mạng khoa học công nghệ hiện đại, nền kinh tế tri thức và xã hội thông tin định hình trong vài thập niên tới cũng như sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước diễn ra trong 20 năm đầu thế kỷ XXI đang đề ra nhu cầu cũng như tạo điều kiện cho giáo dục phát triển. Chưa bao giờ nguồn lực con người được đề cao và giáo dục đào tạo có thời cơ thuận lợi để phát triển như hiện nay.

+ Quá trình hội nhập quốc tế về kinh tế, văn hóa và các hoạt động khác là một thời cơ mới cho giáo dục đào tạo nước ta vươn lên đạt các chuẩn mực khu vực và quốc tế, thúc đẩy Trường ta cần nhanh chóng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đồng thời tạo thêm nguồn lực bổ sung về thông tin, tri thức, chuyên gia, tài chính để nâng cao trình độ giáo dục đào tạo nước nhà, rút ngắn khoảng cách với các nước tiên tiến trên thế giới.

- Thuận lợi đối với Trường Đại học Việt Bắc:

+ Khu vực trung du miền núi phía Bắc có nhiều tiềm năng phát triển. Sự hội nhập của Việt Nam vào nền kinh tế toàn cầu đòi hỏi miền núi phía Bắc nói riêng và các cả nước nói chung phải thực sự đổi mới để thích ứng với sự phát triển chung của toàn xã hội, trong đó đòi hỏi về đội ngũ cán bộ khoa học cơ bản có trình độ là thách thức chung của cả vùng. Đây sẽ là nguồn tuyển sinh dồi dào của trường.

+ Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị Nhà trường, tất cả đều là những thầy giáo, cô giáo, cán bộ quản lý giáo dục, có lòng yêu nghề giáo viên; muốn mang trí tuệ, kinh nghiệm và cả tiền bạc của mình cống hiến cho Sự nghiệp giáo dục và đào tạo mà cả đời các thầy cô đã theo đuổi; và tất cả đều đồng lòng xây dựng Trường Đại học Việt Bắc thành một trường đại học phi lợi nhuận.

+ Là một trường đại học tư thục, hoạt động không vì lợi nhuận, Trường Đại học Việt Bắc có đội ngũ giáo viên có trình độ cao (22% giáo viên có trình độ Tiến sĩ, GS, PGS), với trên 20 kinh nghiệm trong giảng dạy, nghiên cứu khoa học và quản trị đại học; có đội ngũ giảng viên trẻ, nhiệt huyết, năng động, có khả năng tiếp thu và thích ứng nhanh với sự phát triển của tri thức nhân loại.

+ Trường Đại học Việt Bắc tọa lạc ở vị trí trung tâm thành phố Thái Nguyên nơi có nhiều trường đại học thuộc Đại học Thái Nguyên tạo điều kiện cho sinh viên giao lưu học hỏi, trao đổi kinh nghiệm và cũng là nơi hội tụ nhiều giảng viên giỏi của Việt Nam.

+ Sinh viên ra trường 70% có việc làm ngay và có khả năng đáp ứng được các nhu cầu của xã hội, có thể linh hoạt trong việc lựa chọn nghề nghiệp: giảng dạy, nghiên cứu...

3.2.1.2. Thách thức và khó khăn

- Hội nhập quốc tế trong lĩnh vực giáo dục vừa tạo cơ hội nhưng đồng thời cũng là thách thức khi cạnh tranh trong lĩnh vực giáo dục ngày càng khốc liệt;

- Cùng với sự phát triển của nền kinh tế, nhu cầu lao động nghề và lao động phổ thông tăng cao đã làm giảm nguồn tuyển sinh cho đào tạo bậc đại học nói chung và Nhà trường nói riêng;

- Đối với Trường Đại học Việt Bắc, đội ngũ cán bộ giảng viên trẻ chiếm số lượng còn ít, đòi hỏi nhà trường phải tuyển thêm nhiều giáo viên trẻ, dồn nhiều nguồn lực cho đào tạo, nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên nói chung và đội ngũ giáo viên trẻ nói riêng.

- Dưới áp lực của xã hội đòi hỏi Nhà trường phải không ngừng đổi mới, sáng tạo để nâng cao hơn nữa chất lượng đào tạo của mình nhằm đáp ứng yêu cầu của các nhà tuyển dụng;

- Công tác đào tạo phải gắn với nghiên cứu và chuyển giao công nghệ đòi hỏi Nhà trường phải tích cực hơn, chủ động hơn, phải có chiến lược dài hạn về nâng cao chất lượng nghiên cứu và chuyển giao công nghệ, gắn đào tạo với công tác nghiên cứu và chuyển giao công nghệ.

- Là trường đại học tư thục duy nhất trong 06 trường đại học ở Thái Nguyên nên có nhiều khó khăn trong công tác tuyển sinh khi các ngành nghề gần trùng với một số trường đại học trong vùng.

3.2.2. Phân tích cạnh tranh

Cùng với xu thế hoà nhập nền kinh tế là xu thế toàn cầu hóa giáo dục, các tổ chức đào tạo, các trường ở nước ngoài đã bước đầu thâm nhập thị trường giáo dục Việt Nam: RMIT của Úc, Đại học Việt Đức, Đại học Việt Mỹ, Đại học Việt Pháp, NUS và NTU của Singapore, Chulalongkong của Thái Lan, Viện Công nghệ châu Á (AIT)... với trang thiết bị cơ sở vật chất được đầu tư hiện đại và đồng bộ, chương trình giáo dục tiên tiến, bằng cấp mang tính quốc tế... hứa hẹn sẽ thu hút được sự quan tâm và lựa chọn của không ít sinh viên Việt Nam. Sự xuất hiện này vô hình chung đã là động lực và đòn bẩy để các trường nỗ lực, cố gắng để thu hút người học, tuy nhiên đây sẽ là những đối thủ rất lớn và rất mạnh đối với các trường đại học Việt Nam nói chung và trường ĐHV B nói riêng.

- Hiện nay, giáo dục đào tạo đang có 2 hệ thống: hệ thống các trường đại học công lập và hệ thống các trường ngoài công lập (tư thục). Hầu hết các trường đại học công lập đều đã thành lập lâu và được Nhà nước cấp kinh phí hoạt động, kinh phí xây dựng trường, mua sắm trang thiết bị phục vụ cho đào tạo và được miễn thuế. Trong khi đó các trường đại học ngoài công lập phải tự túc về tài chính, không có chính sách ưu tiên (ngay cả miễn giảm học phí cho sinh viên) và lại phải đóng thuế cho Nhà nước. Điều này gây nên sự cạnh tranh không bình đẳng giữa các trường công lập và ngoài công lập, gây khó khăn cho công tác tuyển sinh.

3.3. Quá trình hình thành và phát triển Trường Đại học Việt Bắc

Trường Đại học Việt Bắc là trường đại học tư thục hoạt động không vì lợi nhuận, được thành lập năm 2011 theo Quyết định số 1341/QĐ-TTg ngày 05 tháng 8 năm 2011 của Thủ tướng chính phủ.

3.3.1. Quá trình thành lập và xây dựng

- Năm 2006, một số Giáo sư, Phó Giáo sư, nguyên là Giám đốc, Phó Giám đốc Đại học Thái Nguyên, Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng và các giảng viên các trường đại học ở Thái Nguyên, đã về hưu, muốn mang trí tuệ, kinh nghiệm quản lý đào tạo đại học và sức lực còn lại của mình để cống hiến cho sự nghiệp Giáo dục và Đào tạo của đất nước mà các thầy cô đã theo đuổi và cống hiến cả cuộc đời mình, tụ họp lại thành lập Hội đồng sáng lập Trường Đại học Việt Bắc.

Hội đồng sáng lập đã trình UBND tỉnh Thái Nguyên và ngày 17/5/2006 UBND tỉnh Thái Nguyên có Văn bản số 513/UBND-VX đồng ý chủ trương cho xây dựng Trường Đại học Việt Bắc tại tỉnh Thái Nguyên.

- Năm 2007, Hội đồng sáng lập đã xây dựng Đề án tiền khả thi thành lập Trường Đại học Việt Bắc trình Bộ Giáo dục và Đào tạo và Chính phủ phê duyệt.

- Năm 2008, Thủ tướng chính phủ đã phê duyệt Đề án tiền khả thi xây dựng Trường Đại học Việt Bắc tại Văn bản số 806/TTg-KGVX ngày 27 tháng 5 năm 2008 và Bộ Giáo dục và Đào tạo đã có Quyết định 3645/QĐ-BGDĐT ngày 01 tháng 7 năm 2008 về việc công nhận Ban quản lý xây dựng Trường Đại học Việt Bắc.

- Năm 2009, Ban quản lý dự án xây dựng Trường Đại học Việt Bắc đã có Đề án Quy hoạch xây dựng Trường Đại học Việt Bắc trình Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên xin được cấp đất để xây dựng Trường. Năm 2009, Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên đã phê duyệt Đề án Quy hoạch xây dựng Trường Đại học Việt Bắc và cấp cho trường 40 ha ở xã Đồng Bầm, Thành phố Thái Nguyên tại Quyết định số 1736/QĐ-UBND ngày 22 tháng 7 năm 2009 và Quyết định số 1970/QĐ-UBND ngày 25 tháng 8 năm 2010.

- Trong những năm 2010 - 2011, sau khi được cấp đất, Ban quản lý xây dựng Trường Đại học Việt Bắc đã khẩn trương bồi thường, giải phóng mặt bằng và tiến hành xây dựng những hạng mục công trình đầu tiên như: Giảng đường, văn phòng làm việc, các phòng thí nghiệm và các hạng mục công trình khác phục vụ cho đào tạo.

- Sau khi đã có cơ sở vật chất phục vụ cho đào tạo, đầu năm 2011, Hội đồng sáng lập và Ban quản lý xây dựng Trường Đại học Việt Bắc đã xây dựng Đề án khả thi thành lập trường Trường Đại học Việt Bắc trình Bộ Giáo dục và Chính phủ phê duyệt. Sau khi thẩm định tất cả các điều kiện thành lập trường, Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1341/QĐ-TTg, ngày 5/8/2011 về việc thành lập Trường Đại học Việt Bắc.

- Từ năm 2011, Nhà trường tiếp tục xây dựng các hạng mục chính của Dự án để phục vụ cho công tác đào tạo như: Nhà điều hành, Nhà giảng đường lớp học, phòng thực hành, thí nghiệm, ký túc xá và các công trình phụ trợ, hệ thống giao thông nội bộ, khuôn viên cây xanh; tiếp tục công tác giải phóng mặt bằng trên toàn Dự án.

3.3.2. Tổ chức

Sau khi có Quyết định thành lập, Nhà trường bắt tay xây dựng hệ thống tổ chức để tiếp tục xây dựng và bắt tay vào tuyển sinh, đào tạo. Vì vậy, việc xây dựng hệ thống tổ chức của Nhà trường là nhiệm vụ ưu tiên hàng đầu.

Ngày 13 tháng 8 năm 2011, Đại hội Đại hội đồng cổ đông của Trường Đại học Việt Bắc tổ chức Đại hội Đại hội đồng cổ đông lần thứ I. Đại hội đã bầu ra Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2011 - 2015. Cùng ngày, Hội đồng quản trị đã bầu Chủ tịch, Phó chủ tịch Hội đồng và Hiệu trưởng Trường Đại học Việt Bắc. Hội đồng quản trị và các chức vụ lãnh đạo của trường đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên phê duyệt tại Quyết định số 2162/QĐ-UBND ngày 26 tháng 8 năm 2011 và Quyết định công nhận Hiệu trưởng số 3027/QĐ-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2012.

Ngày 06 tháng 12 năm 2012, Hiệu trưởng Trường Đại học Việt Bắc có các quyết định thành lập các Phòng, ban và bổ nhiệm trưởng, phó các đơn vị:

- Quyết định thành lập phòng Đào tạo – QLKH – QHQT và HSSV Số: 16/QĐ-ĐHVB, ngày 06 tháng 12 năm 2012.

- Quyết định bổ nhiệm Trưởng phòng Đào tạo – QLKH – QHQT và HSSV Số: 17/QĐ-ĐHVB, ngày 06 tháng 12 năm 2012.

- Quyết định bổ nhiệm Phó Trưởng phòng Đào tạo – QLKH – QHQT và HSSV Số: 18/QĐ-ĐHVB, ngày 06 tháng 12 năm 2012.

- Quyết định bổ nhiệm Phó Trưởng phòng Đào tạo – QLKH – QHQT và HSSV Số: 19/QĐ-ĐHVB, ngày 06 tháng 12 năm 2012.

- Quyết định thành lập phòng Tổng hợp Số: 20/QĐ-ĐHVB, ngày 06 tháng 12 năm 2012

- Quyết định bổ nhiệm Trưởng phòng Tổng hợp Số: 21/QĐ-ĐHVB, ngày 06 tháng 12 năm 2012

- Quyết định bổ nhiệm Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính Số: 23/QĐ-ĐHVB, ngày 06 tháng 12 năm 2012

Ngày 07 tháng 12 năm 2012, Hiệu trưởng Trường Đại học Việt Bắc có các quyết định thành lập các khoa và bổ nhiệm các trưởng, phó khoa, bộ môn:

- Quyết định thành lập Khoa Cơ khí Số: 27/QĐ-ĐHVB, ngày 07 tháng 12 năm 2012.

- Quyết định bổ nhiệm Trưởng Khoa Cơ khí Số: 28/QĐ-ĐHVB, ngày 07 tháng 12 năm 2012.

- Quyết định bổ nhiệm Phó Trưởng Khoa Cơ khí Số: 29/QĐ-ĐHVB, ngày 07 tháng 12 năm 2012

- Quyết định thành lập Khoa Kinh tế & QTKD Số: 30/QĐ-ĐHVB, ngày 07 tháng 12 năm 2012.

- Quyết định bổ nhiệm Phó Trưởng Khoa Kinh tế & QTKD kiêm trưởng bộ môn QTKD Số: 32/QĐ-ĐHVB, ngày 07 tháng 12 năm 2012

- Quyết định bổ nhiệm Phó Trưởng Khoa Kinh tế & QTKD Số: 33/QĐ-ĐHVB, ngày 07 tháng 12 năm 2012
- Quyết định thành lập Khoa Điện - Điện tử & CNTT Số: 34/QĐ-ĐHVB, ngày 07 tháng 12 năm 2012.
- Quyết định Bổ nhiệm Trưởng Khoa Điện - Điện tử & CNTT Số: 35/QĐ-ĐHVB, ngày 07 tháng 12 năm 2012.
- Quyết định Bổ nhiệm Phó Trưởng Khoa Điện - Điện tử & CNTT Số: 36/QĐ-ĐHVB, ngày 08 tháng 12 năm 2012.
- Quyết định thành lập Khoa Cơ bản Số: 24/QĐ-ĐHVB, ngày 07 tháng 12 năm 2012.
- Quyết định Bổ nhiệm Trưởng Khoa Cơ bản Số: 25/QĐ-ĐHVB, ngày 07 tháng 12 năm 2012.
- Bổ nhiệm Phó Trưởng Khoa Cơ bản Số: 26/QĐ-ĐHVB, ngày 07 tháng 12 năm 2012.
- Quyết định thành lập Hội đồng Khoa học – Đào tạo Số: 28/QĐ-ĐHVB, ngày 07 tháng 12 năm 2012

3.3.3. Đào tạo

- Tháng 01 năm 2013, sau khi đã xem xét các điều kiện đảm bảo đào tạo, Nhà trường đã quyết định thành lập Hội đồng xây dựng các chương trình đào tạo để mở ngành và xây dựng Đề án mở 6 ngành đào tạo, gồm: Kỹ thuật Cơ khí, Kỹ thuật Điện - Điện tử, Công nghệ thông tin, Truyền thông và mạng máy tính, Kế toán, Quản trị kinh doanh.

- Các đề án mở ngành đào tạo đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo (ủy quyền cho Đại học Thái Nguyên thẩm định các chương trình đào tạo) và Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Thái Nguyên thẩm định. Ngày 28 tháng 02 năm 2013, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã có Quyết định số 784/QĐ-BGDĐT cho phép Trường Đại học Việt Bắc đào tạo 6 ngành nêu trên và cho phép tuyển sinh trong năm học 2013 - 2014.

3.4. Thực trạng của Trường ĐH Việt Bắc tại thời điểm xây dựng Kế hoạch chiến lược phát triển trường giai đoạn 2013-2020 và tầm nhìn đến năm 2030

3.4.1 Về cơ sở vật chất

Tổng diện tích đất của trường có 390.805 m².

Tổng diện tích sàn xây dựng phục vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học của trường (*bao gồm hội trường, giảng đường, phòng học các loại; thư viện, trung tâm học liệu; phòng thí nghiệm, phòng thực hành, xưởng thực tập, nhà tập đa năng*): 11.121 m².

Bảng 3.1. Thống kê các phòng thí nghiệm, thực hành, xưởng thực tập, nhà tập đa năng

TT	Tên	Số lượng	Mục đích sử dụng	Đối tượng phục vụ	Diện tích phòng (m ²)
1	Phòng thực hành Vật lý	1	Thực hành thí nghiệm Vật lý	GV và SV	75
2	Phòng thực hành Hóa học 1	1	Thực hành thí nghiệm Hóa học	GV và SV	127
3	Phòng thực hành Hóa học 2	1	Thực hành thí nghiệm Hóa học	GV và SV	173
4	Phòng thực hành Tin học	1	Thực hành Tin học	GV và SV	127
5	Xưởng thực tập Cơ khí	1	Thực hành Cơ khí	GV và SV	1.900
6	Xưởng thực tập Điện	1	Thực hành Điện-Điện tử	GV và SV	1.100
	Tổng diện tích (m²)				3.502

Bảng 3.2. Thống kê phòng học, thư viện, trung tâm học liệu

TT	Loại phòng	Tổng số	CEA xác nhận	Diện tích phòng (m ²)	CEA xác nhận	SH
1	Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ	0		0		0
2	Phòng học từ 100 - 200 chỗ	2		173		173
3	Phòng học từ 50 - 100 chỗ	6		127		127
4	Số phòng học dưới 50 chỗ	2		39		39
5	Số phòng học đa phương tiện	4		127		127
6	Số thư viện	1		300		300
7	Số trung tâm học liệu liên kết với Đại học Thái Nguyên	1				
	Tổng diện tích (m²)			1.994		1.994

Bảng 3.3. Thống kê về thư viện

TT	Nội dung	Tổng số	Ghi chú
1	Số phòng đọc	2	
2	Số chỗ ngồi đọc	150	
3	Số máy tính của thư viện	5	
4	Số lượng đầu sách, tạp chí	612	
5	Số thư viện điện tử liên kết với Trung tâm học liệu Đại học Thái Nguyên	1	

Hiện tại trường đang tiến hành xây dựng một nhà ký túc xá cho SV 5 tầng, diện tích 2.396 m² xây dựng.

3.4.2. Bộ máy tổ chức và quản lý

Cơ cấu tổ chức Nhà trường được kiện toàn theo từng năm:

Do mới được thành lập, bộ máy tổ chức và quản lý thay đổi và dần dần được hoàn thiện theo nhu cầu phát triển của Nhà trường. Bộ máy tổ chức và quản lý năm 2017 được trình bày trong bảng 3.1.

Bảng 3.4. Bộ máy tổ chức và quản lý Trường năm 2013

TT	KHỐI ĐƠN VỊ	ĐƠN VỊ	GHI CHÚ
1	Hội đồng quản trị	Đại hội đồng cổ đông: Gồm 07 người	
2	Hội đồng quản trị	Hội đồng quản trị: gồm 07 người - Chủ tịch: ThS. Lê Minh Thái - Phó chủ tịch: GS.TS. Nguyễn Đăng Bình	
3	Ban giám hiệu	Hiệu trưởng: GS.TS. Nguyễn Đăng Bình Hiệu phó: ThS. Lê Minh Thái	
5	Khối phòng, ban, trung tâm	1. Phòng Đào tạo - NCKH - HTQT - Khảo thí và ĐBCLGD	
		2. Phòng Công tác HSSV	
		3. Phòng Tổng hợp (Hành chính - Tổ chức - Quản trị)	
		4. Phòng Kế hoạch - Tài chính	
6	Khối các khoa	1. Khoa Cơ bản	
		2. Khoa Cơ khí	
		3. Khoa Điện - Điện tử - CNTT	
		4. Khoa Kinh tế	
7	Các tổ chức đoàn thể	1. Chi bộ Đảng	
		2. Công đoàn	
		3. Đoàn Thanh niên	

Do Trường mới được thành lập, để phù hợp với quy mô sinh viên nên cơ cấu tổ chức và quản lý của hiện nay chưa phù hợp. Một số phòng, ban ghép nhiều mảng công việc với nhiều chức năng (như phòng Đào tạo - NCKH - Hợp tác quốc tế - Khảo thí và ĐBCLGD). Các khoa chuyên môn có nhiều chuyên ngành đào tạo (như khoa Điện - Điện tử - Công nghệ thông tin). Trong quá trình phát triển, Nhà trường sẽ tách dần các phòng để thành lập các phòng mới với 1 chức năng để làm việc hiệu quả hơn.

Ngoài các đơn vị sự nghiệp và chuyên môn, nhà trường thành lập các Hội đồng tư vấn: Hội đồng Thi đua- khen thưởng và TCCB; Hội đồng xét thi đua năm học; Hội đồng Khoa học-công nghệ; Hội đồng thanh lý tài sản;...

Đội ngũ cán bộ lãnh đạo, đều đảm bảo các tiêu chuẩn tối thiểu theo Quy định của Điều lệ trường đại học do Chính phủ ban hành và phần lớn đều nguyên là cán bộ lãnh đạo quản lý đã có kinh nghiệm trên 20 năm làm quản lý và giảng dạy.

3.4.3. Về Đội ngũ cán bộ, giảng viên và nhân viên

Hiện tại nhà trường có đội ngũ cán bộ, giảng viên, nhân viên gồm 120 người, trong đó giáo viên là 101 người (gồm 2 GS, 9 PGS, 9 tiến sĩ, 80 thạc sĩ, 4 ĐH và 3 giảng viên đang nghiên cứu sinh, học cao học tại các cơ sở đào tạo trong và ngoài nước); 20 nhân viên có trình độ ĐH trở lên làm việc tại các phòng, ban, trung tâm. Ngoài ra còn có đội ngũ đội ngũ giảng viên thỉnh giảng với chức danh giáo sư, phó giáo sư, có trình độ tiến sĩ từ các trường đại học khác.

3.4.4. Về đào tạo

- Bậc đào tạo: Trường Đại học Việt Bắc đang đào tạo bậc đại học, cao đẳng.
- Loại hình đào tạo: Chính quy, vừa làm vừa học, liên thông.
- Ngành nghề đào tạo: Trường đang đào tạo 6 ngành, gồm: Kỹ thuật Cơ khí, Kỹ thuật Điện - Điện tử, Công nghệ thông tin, Truyền thông và mạng máy tính, Kế toán, Quản trị kinh doanh.

3.4.5. Xây dựng chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo của Trường Đại học Việt Bắc được xây dựng trên cơ sở khảo sát thực tế xã hội và sản xuất, có sự tham gia của các GS, PGS, các chuyên gia đầu ngành về các lĩnh vực của các ngành đào tạo. Chương trình đào tạo được các Hội đồng đánh giá nghiệm thu của Đại học Thái Nguyên (được Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo uỷ quyền) đánh giá.

Chương trình đào tạo của 6 ngành và chuyên ngành mang tính liên thông cao trong toàn trường, trong từng khối ngành. Tính liên thông dọc và liên thông ngang của các chương trình đào tạo cao, tạo điều kiện thuận lợi cho người học có thể học hai chương trình đồng thời, học lại, học cải thiện điểm đáp ứng yêu cầu mềm dẻo của quá trình đào tạo.

Tính liên thông dọc của các chương trình đào tạo giúp cho người học có thể học liên thông trực tiếp từ cao đẳng lên đại học với hình thức tích lũy thêm các tín chỉ còn thiếu của chương trình đào tạo.

3.4.6. Biên soạn giáo trình và thư viện

Do Trường Đại học Việt Bắc mới được mở ngành đào tạo, tuyển sinh và thực hiện đào tạo từ tháng 10/2013, nên hiện tại các giảng viên mới được phân

công và đang biên soạn giáo trình và sách giáo khoa phục vụ giảng dạy các ngành đào tạo của trường. Vì vậy, đến thời điểm này, Trường chưa in được giáo trình và sách giáo khoa.

Ngay khi lập các đề án mở ngành đào tạo, Nhà trường đã đầu tư thư viện có 2 phòng, diện tích 300 m². Cơ sở vật chất của thư viện được trình bày trong Bảng 3.3.

Ngoài ra, Nhà trường có hợp đồng với Trung tâm học liệu, Đại học Thái Nguyên về việc giảng viên và sinh viên Trường Đại học Việt Bắc có thể thư viện và được phép đọc, mượn sách và truy cập vào các nguồn tài liệu như giảng viên và sinh viên của các trường đại học trong Đại học Thái Nguyên.

3.4.7. Công tác nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ

Tuy mới được thành lập, nhưng Trường Đại học Việt Bắc đã có đội ngũ cán bộ giảng dạy có học hàm học vị cao, có kinh nghiệm trong giảng dạy và nghiên cứu khoa học và đã từng tham gia và làm chủ nhiệm nhiều đề tài nghiên cứu khoa học cấp Nhà nước, cấp bộ, tỉnh và cấp cơ sở.

3.4.9. Công tác hợp tác quốc tế

Do mới được thành lập, công tác quan hệ quốc tế của trường đang được triển khai nhưng chưa có kết quả cụ thể.

3.4.10. Công tác khảo thí và kiểm định chất lượng

Để thực hiện kiểm định chất lượng trường đại học, Nhà trường cần có kế hoạch ngay từ bây giờ để có thể xây dựng Nhà trường phát triển toàn diện theo 10 tiêu chuẩn, 61 tiêu chí chất lượng trường đại học do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. Ngay từ khi có Quyết định thành lập, Nhà trường đã thành lập tổ Thanh tra, Khảo thí và Đảm bảo chất lượng Giáo dục thuộc Phòng Đào tạo - NCKH – QHQT- KT, ĐBCLGD.

3.4.11. Công tác Kế hoạch - Tài chính

Trường Đại học Việt Bắc là một trường đại học tư thục. Công tác kế hoạch tài chính được thực hiện theo pháp luật và các quy định của Hội đồng quản trị và Ban giám hiệu nhà trường. Công tác kế hoạch tài chính hoạt động tốt và luôn luôn đảm bảo cho Nhà trường hoạt động ổn định và phát triển theo các kế hoạch về phát triển trường đã xây dựng.

3.4.12. Các công tác khác

- ***Công tác Đảng:*** Ngay từ khi mới có Quyết định của Chính phủ phê duyệt Đề án tiền khả thi xây dựng Trường Đại học Việt Bắc và thành lập Ban quản lý xây dựng Trường Đại học Việt Bắc, Nhà trường đã thành lập Chi bộ Đảng gồm 13 đảng viên. Hiện nay chi bộ Đảng gồm 22 đảng viên. Chi bộ Đảng thực sự là chỗ dựa và chỉ đạo toàn diện các mặt hoạt động của Nhà trường.

- **Công đoàn:** Công đoàn trường cũng được thành lập cùng với Chi bộ Đảng Nhà trường. Hiện nay, Công đoàn trường có 22 công đoàn viên và hoạt động đều đặn, có tác dụng đoàn kết cán bộ nhân viên thực hiện nhiệm vụ của Nhà trường.

- **Đoàn Thanh niên:** Đoàn Thanh niên Trường được thành lập năm 2012 với số đoàn viên hiện tại là 140 đoàn viên. Ban chấp hành đoàn lâm thời đã được thành lập ngay từ năm 2011.

3.5. Đánh giá chung

3.5.1. Điểm mạnh và cơ hội

- Trường có Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị nhất trí đồng lòng xây dựng Trường Đại học Việt Bắc thành một trường đại học tư thực hoạt động không vì lợi nhuận. Do vậy, các tổ chức này của Nhà trường đều đoàn kết và là chỗ dựa vững chắc cho Nhà trường xây dựng và phát triển.

- Đội ngũ cán bộ giảng viên của nhà trường có trình độ chuyên môn, học hàm học vị cao và đã có nhiều năm kinh nghiệm trong giảng dạy và quản lý đào tạo. Đội ngũ giảng viên của nhà trường tích cực, sáng tạo trong công tác nghiên cứu, chuyển giao công nghệ, qua đó góp phần dần dần khẳng định thương hiệu của nhà trường;

- Cơ sở vật chất được đầu tư đồng bộ thuận lợi cho công tác đào tạo và phù hợp với xu thế phát triển của khoa học và ứng dụng công nghệ vào đào tạo, nghiên cứu và chuyển giao;

- Trường có một diện tích đất khá lớn (gần 40 ha, thuận lợi cho việc đầu tư và phát triển Trường trong thời gian gần và định hướng chiến lược phát triển cho tương lai.

- Thái Nguyên là tinh trung tâm của khu vực và miền núi phía Bắc đang trong quá trình công nghiệp hóa và đô thị hóa diễn ra mạnh mẽ, do đó nhu cầu xã hội về nguồn nhân lực chất lượng cao thuộc lĩnh vực hoạt động của nhà trường ngày càng lớn, đây là cơ hội để mở rộng phát triển đào tạo cả về chất lượng và số lượng.

- Các chính sách của Đảng và Nhà nước tạo điều kiện thuận lợi cho các trường đại học ngoài công lập phát triển đồng thời đang dần dần tạo môi trường cạnh tranh bình đẳng giữa các trường đại học công lập và ngoài công lập.

- Công cuộc hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng sâu rộng, các nhà đầu tư nước ngoài đến đầu tư vào Thái Nguyên và các tỉnh trong khu vực ngày càng nhiều, điều đó làm cho chất lượng nền kinh tế được nâng cao, các nhà tuyển dụng có xu hướng coi trọng về chất lượng nguồn lực, đây là cơ hội để nhà

trường đi tắt đón đầu, đưa nhà trường trở thành trung tâm đào tạo có uy tín trong cả nước thông qua việc cung cấp các sản phẩm chất lượng đào tạo.

3.5.2. Tồn tại và thách thức

- Do trường mới được thành lập, cơ sở vật chất hiện tại đang chỉ đủ phục vụ đào tạo trong giai đoạn trước mắt; Trường vẫn còn phải liên kết với một số đơn vị để có đủ cơ sở vật chất phục vụ cho đào tạo.

- Khả năng về sử dụng ngoại ngữ của SV ra trường, của cán bộ GV còn hạn chế; đội ngũ cán bộ giảng viên có trình độ cao (GS, PGS, TS) còn thấp (xấp xỉ 12%).

- Hội nhập quốc tế trong lĩnh vực giáo dục vừa tạo cơ hội nhưng đồng thời cũng là thách thức khi cạnh tranh trong lĩnh vực giáo dục ngày càng khốc liệt;

- Cùng với sự phát triển của nền kinh tế, nhu cầu lao động nghề và lao động phổ thông tăng cao đã làm giảm nguồn tuyển sinh cho đào tạo bậc đại học nói chung và nhà trường nói riêng;

- Đối tượng tuyển sinh chủ yếu khu vực trung du và miền núi phía Bắc, trình độ dân trí thấp, điểm chuẩn của thí sinh cũng thấp nhất là các diện ưu tiên, diện chính sách và hình thức cử tuyển.

- Mặc dù Đảng và Chính phủ đã có nhiều chính sách ưu tiên phát triển giáo dục và đào tạo. Tuy nhiên, các chính sách ưu tiên cho phát triển các trường tư thục còn chưa được nhiều và hiện nay chưa tạo sự cạnh tranh bình đẳng giữa các trường công lập và tư thục.

PHẦN IV

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TRƯỜNG ĐẠI HỌC VIỆT BẮC

GIAI ĐOẠN 2013 - 2020 VÀ TẦM NHÌN ĐẾN 2030

4.1. Mục tiêu chiến lược

4.1.1. Mục tiêu chung

Xây dựng Trường Đại học Việt Bắc thành một trường đại học định hướng ứng dụng có uy tín cao trong lĩnh vực đào tạo, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ trong khu vực trung du và miền núi phía Bắc và trong cả nước vào năm 2030.

4.1.2. Mục tiêu cụ thể

a. Trong giai đoạn 2013 - 2020 xây dựng Trường trở thành một trường đại học định hướng thực hành với uy tín với chất lượng đào tạo cao; từ 2021 xây

dựng Trường trở thành một trường đại học định hướng ứng dụng với uy tín cao trong đào tạo, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ;

b., nhất là cộng đồng doanh nghiệp làm nền tảng cho hình thức đào tạo lý thuyết kết hợp với thực tiễn;

c. Đảm bảo kiến thức, chuyên môn, kỹ năng và phẩm chất đạo đức của người học (bao gồm cử nhân, thạc sĩ và tiến sĩ) sau khi tốt nghiệp đáp ứng được yêu cầu của nhà tuyển dụng, từng bước đáp ứng được nhu cầu trong hội nhập lao động thuộc khu vực ASEAN và quốc tế;

d. Các công trình, sản phẩm nghiên cứu khoa học và công nghệ có tính ứng dụng cao, được áp dụng vào thực tiễn đời sống kinh tế - xã hội của đất nước, làm nền tảng cho công tác đào tạo nguồn nhân lực trình độ cao của nhà trường;

e. Xây dựng đội ngũ cán bộ, giảng viên có trình độ chuyên môn cao, cập nhật được kiến thức tiên tiến trên thế giới, đáp ứng yêu cầu của Sự nghiệp Công nghiệp hoá và Hiện đại hoá đất nước;

f. Xây dựng cơ bản hoàn thiện hệ thống cơ sở vật chất tiên tiến, hiện đại đáp ứng được yêu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học trong bối cảnh nâng cao chất lượng đào tạo phù hợp với yêu cầu của thị trường lao động hội nhập quốc tế;

g. Hoàn thiện cơ chế quản lý nhằm phát huy tinh thần đại đoàn kết trong Nhà trường, huy động sự tham gia chủ động, tích cực của đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên, cán bộ phục vụ đào tạo và sự phát triển chung của Nhà trường;

h. Các nguồn lực tài chính được phát triển theo hướng đa dạng hóa và bền vững, hiệu quả thông qua tăng cường, mở rộng hợp tác với các đối tác trong và ngoài nước; tăng đồng đều quy mô các nguồn thu của Trường từ học phí, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ vào thực tế sản xuất, tiến tới cân bằng thu chi và có lãi, nhưng vẫn định hướng phi lợi nhuận để có tiềm năng về tài chính xây dựng Trường phát triển nhanh và hiện đại;

i. Nâng cao hiệu quả hoạt động của các tổ chức chính trị trong Trường, xây dựng môi trường làm việc, học tập dân chủ, kỷ cương, văn minh, hiện đại thu hút được các chuyên gia trong nước và quốc tế.

4.2. Xây dựng các chiến lược phát triển

4.2.1. Chiến lược phát triển đào tạo

4.2.1.1. Mục tiêu phát triển đào tạo

a. Tăng quy mô tuyển sinh ở tất cả các ngành và các hệ đào tạo một cách hợp lý đồng thời với nâng cao chất lượng đào tạo;

+ Đến năm 2020:

- Hệ Đại học: 5.000 SV;
- Hệ Thạc sĩ: 200 SV;
- Hệ Tiến sĩ: 30 NCS.

+ Đến năm 2030:

- Hệ Đại học: 10.000 SV;
- Hệ Thạc sĩ: 1.000 SV;
- Hệ Tiến sĩ: 200 NCS.

b. Mở rộng ngành nghề đào tạo và bậc đào tạo thạc sĩ và tiến sĩ;

+ Đến năm 2020:

- Hệ đại học: 10 ngành;
- Hệ Thạc sĩ: 6 ngành;
- Tiến sĩ: 4 ngành.

+ Đến năm 2030

- Hệ đại học: 15 ngành;
- Hệ Thạc sĩ: 10 ngành;
- Tiến sĩ: 10 ngành.

c. Xây dựng và phát triển chương trình đào tạo

- Các chương trình đào tạo đã được mở ngành đào tạo (6 ngành) phải thường xuyên cập nhật và điều chỉnh 2 - 3 năm một lần có khảo sát thực tế xã hội và lấy ý kiến các doanh nghiệp và các nhà sản xuất, sử dụng lao động. Điều chỉnh linh hoạt các chương trình đào tạo hiện có theo hướng đáp ứng tốt hơn nhu cầu của người học và nhu cầu phát triển nguồn nhân lực của xã hội. Phát triển các chương trình đào tạo chất lượng cao phù hợp với xu hướng hội nhập quốc tế và khu vực ASEAN, trong đó chú trọng cả về kiến thức chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp, trình độ tin học và ngoại ngữ. Mỗi khoa chuyên môn xác định 01 chuyên ngành mũi nhọn để xây dựng thành chương trình đào tạo chất lượng cao; chú trọng nhập khẩu các chương trình đào tạo tiên tiến của nước ngoài

- Xây dựng chương trình đào tạo: Các chương trình đào tạo phải có kế hoạch xây dựng phù hợp với kế hoạch mở ngành đào tạo. Cụ thể:

+ Xây dựng chương trình đào tạo và mở ngành đào tạo Dược và Điều dưỡng vào năm 2017;

+ Xây dựng CTĐT và mở ngành Luật kinh tế và Tài chính vào năm 2018;

+ Từ năm 2020 - 2030 sẽ mở 5 ngành đào tạo tùy theo nhu cầu xã hội và định hướng tiếp theo của Nhà trường.

d. Đổi mới phương pháp dạy và học

- Bồi dưỡng cho giảng viên phương pháp giảng dạy mới theo phương châm " lấy học sinh làm trung tâm"; tăng cường đào tạo kỹ năng sống, kỹ năng làm việc nhóm và các kỹ năng khác theo yêu cầu của người sử dụng lao động;

- Hướng dẫn SV phương pháp học tập mới "tự học, sáng tạo" để SV có phương pháp học tập trong Nhà trường và sau này tiếp tục học tập ở môi trường mới.

e. Quản lý đào tạo

Tăng cường công tác quản lý đào tạo một cách khoa học, hệ thống; áp dụng các phần mềm về quản lý đào tạo, quản lý sinh viên một cách hiệu quả và tốt nhất.

4.2.1.2. Các giải pháp của chiến lược phát triển đào tạo

a. Kiên quyết chỉ đạo các khoa thực hiện việc đổi mới phương pháp dạy và học. Trang bị thêm các phương tiện và cơ sở vật chất phục vụ cho dạy học theo phương pháp mới.

b. Đổi mới việc dạy và học ngoại ngữ cho đội ngũ cán bộ giảng viên.

c. Đưa tin học và ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ truyền thông vào giảng dạy và quản lý đào tạo cũng như các hoạt động khác của nhà trường.

d. Tăng về số lượng và nâng cao trình độ đội ngũ giảng viên và đội ngũ quản lý đào tạo, đến năm 2020 giữ tỷ lệ SV/1GV là 20 và tỷ lệ giảng viên có trình độ TS, PGS, GS là 13%; đến năm 2030 tỷ lệ sinh viên/1GV là 15 và tỷ lệ giảng viên có trình độ TS, PGS, GS là 20%. Tuyển chọn thêm và bồi dưỡng đội ngũ giảng viên có trình độ cao để đủ điều kiện mở các ngành theo kế hoạch đã đề ra.

e. Duy trì hệ thống kiểm định chất lượng giáo dục đại học làm việc thường xuyên để đến năm 2018 thực hiện kiểm định chất lượng giáo dục Trường lần 1 và đến năm 2023 kiểm định chất lượng Trường lần 2 và kiểm định chất lượng 2 ngành đào tạo.

f. Mở rộng thư viện điện tử để phục vụ giảng dạy và học tập.

g. Nâng cao chất lượng đào tạo nhằm đáp ứng tốt hơn nhu cầu của nhà tuyển dụng.

- Phối hợp với các cơ quan, tổ chức chính trị - xã hội, các nhà tuyển dụng định kỳ rà soát, đánh giá lại và đổi mới các chương trình đào tạo, nội dung giảng

dạy, phương pháp giảng dạy ... để xây dựng chương trình đào tạo tiếp cận định hướng nghề nghiệp theo nhu cầu của nhà tuyển dụng.

- Đổi mới nội dung giảng dạy các môn học thuộc các chương trình đào tạo hiện có theo hướng giảm khối lượng giờ giảng lý thuyết, tăng lượng kiến thức thực hành, thực tập. Kết hợp với các doanh nghiệp, các tổ chức kinh tế - xã hội để đưa phần thực hành thực tập vào quá trình giảng dạy của Nhà trường.

4.2.2. Chiến lược phát triển công tác NCKH - CGCN và Hợp tác quốc tế

4.2.2.1. Các mục tiêu Chiến lược

Hoạt động nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ là công cụ để Nhà trường nâng cao vị thế và thương hiệu trong tương lai. Các hoạt động nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ phải hướng đến tính ứng dụng và hiệu quả. Các chỉ tiêu về hoạt động nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ trong giai đoạn thực hiện chiến lược cụ thể sau:

a. Nâng cao số lượng và chất lượng các công trình nghiên cứu khoa học; mở rộng các loại hình nghiên cứu, ưu tiên các nghiên cứu có yếu tố chuyển giao và ứng dụng có hiệu quả vào trong thực tiễn đời sống kinh tế - xã hội của đất nước; đẩy mạnh hợp tác quốc tế trong lĩnh vực nghiên cứu và chuyển giao công nghệ. Mục tiêu phấn đấu đến năm 2020 triển khai 60 đề tài NCKH cấp cơ sở, 2 đề tài cấp tỉnh và cấp bộ;

b. Chú trọng đến công tác NCKH của SV; phấn đấu đến năm 2020 có 10 đề tài NCKH của SV;

c. Đẩy mạnh việc nghiên cứu và công bố các công trình nghiên cứu khoa học trên các hội nghị khoa học, các tạp chí khoa học trong và ngoài nước. Phấn đấu hàng năm công bố được bình quân 10 bài báo khoa học trên các tạp chí khoa học trong nước và quốc tế;

d. Tìm kiếm các nguồn kinh phí trong và ngoài nước để triển khai các hoạt động nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ. đến năm 2020 triển khai được ít nhất 02 dự án nghiên cứu khoa học được áp dụng vào thực tế sản xuất;

e. Khai thác khả năng liên kết quốc tế về đào tạo, nghiên cứu khoa học với các trường đại học trong nước, các nước trong khu vực Đông Nam Á và quốc tế. Thu hút các nguồn vốn đầu tư, tài trợ về học bổng, trang thiết bị học tập và cơ sở vật chất.

4.2.2.2. Các giải pháp chiến lược

- Nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ. Từng bước tăng cường quản lý công tác khoa học – công nghệ của nhà trường theo hướng đặt hàng có sản phẩm đầu ra rõ ràng. Kết hợp nghiên cứu khoa học với đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ của giảng viên. Đẩy mạnh hợp tác nghiên cứu khoa học với các đơn vị ngoài trường, trong nước và quốc tế. Nâng cao chất lượng các sản phẩm nghiên cứu khoa học, chú trọng những sản phẩm nghiên cứu chuyển giao cho các đối tác, để từ đó xây dựng thương hiệu nghiên cứu khoa học của Nhà trường.

- Đến năm 2025, Trường sẽ xây dựng 01 tạp chí khoa học và được phép xuất bản. Gắn việc xuất bản tạp trí với các chương trình nghiên cứu cụ thể theo chủ đề, phối hợp với các đơn vị tiếp nhận chuyển giao kết quả nghiên cứu khoa học để công bố trên tạp trí.

- Định kỳ và thường xuyên tổ chức các hội nghị khoa học, các hội thảo chuyên đề, tổ chức các buổi thuyết giảng của các chuyên gia hàng đầu của nhà trường về lĩnh vực thuộc chương trình nghiên cứu của họ. Gắn nội dung sinh hoạt chuyên môn của giảng viên trẻ, của sinh viên và học viên cao học với các buổi thuyết giảng của chuyên gia.

- Đầu tư kinh phí cho công tác NCKH hàng năm ít nhất không dưới 3% mức thu học phí;

- Phát triển hệ thống thư viện trong trường. Ngoài thư có sẵn hiện nay, sẽ xây dựng thêm một thư viện điện tử mới và phát triển mạng lưới thông tin thư viện, chuẩn hoá các hoạt động thư viện và trợ giúp tối đa người học được tiếp cận tới các thư viện và trung tâm học liệu lớn trong và ngoài nước;

- Thực hiện có hiệu quả chương trình xây dựng đội ngũ cán bộ nghiên cứu đáp ứng nhiệm vụ được giao, đặc biệt là chương trình bồi dưỡng cán bộ trẻ, chuyên sâu, cán bộ đầu ngành của trường. Đồng thời, nâng cao một bước đáng kể trình độ NCKH của đội ngũ cán bộ giảng dạy, cán bộ nghiên cứu.

- Đẩy mạnh công tác tuyển sinh quốc tế ở tất cả các hệ do Nhà trường cấp bằng; xây dựng và thực hiện các chương trình liên kết đào tạo quốc tế cả đại học, thạc sĩ, tiến sĩ, ưu tiên hợp tác đào tạo với các đối tác ở các nước có trình độ giáo dục đại học tiên tiến.

- Tìm kiếm đối tác để xây dựng chương trình trao đổi giảng viên, sinh viên; phấn đấu hàng năm đều cử giảng viên, sinh viên của Nhà trường đi học tập, tham quan tại nước ngoài và tiếp nhận sinh viên quốc tế đến thực tập tại Trường

4.2.3. Chiến lược về tổ chức và phát triển đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên

4.2.3.1. Các mục tiêu chiến lược

Xây dựng cơ cấu tổ chức và hệ thống quản lý gọn nhẹ, hiệu quả, khoa học; xây dựng đội ngũ cán bộ giảng dạy, nghiên cứu khoa học chất lượng cao, mang tầm chiến lược sẽ là cơ sở để Nhà trường phát triển nhanh chóng và bền vững, đáp ứng được yêu cầu của xã hội trong bối cảnh hội nhập quốc tế và khu vực ngày càng sâu rộng. Mục tiêu chiến lược về tổ chức quản lý và phát triển đội ngũ, cụ thể như sau:

- Tách và thành lập mới các đơn vị phòng, khoa, viện, trung tâm đáp ứng nhu cầu quản lý, phát triển của Nhà trường trong từng giai đoạn.

- Xây dựng đội ngũ giảng viên và cán bộ quản lý đạt chuẩn, đảm bảo chất lượng, đủ về số lượng, đồng bộ về cơ cấu, có phẩm chất và trách nhiệm của nhà giáo, hết lòng vì sự nghiệp giáo dục.

Bảng 3.5. Bộ máy tổ chức và quản lý Trường năm 2020

TT	KHỐI ĐƠN VỊ	ĐƠN VỊ	GHI CHÚ
1	Đại hội đồng cổ đông	Đại hội đồng cổ đông: Gồm 15 người	
2	Hội đồng quản trị	Hội đồng quản trị: gồm 7 người - Chủ tịch: ThS. Lê Minh Thái - Phó chủ tịch: PGS.TS Nguyễn Đăng Bình	
3	Ban kiểm soát	Ban kiểm soát: Gồm 3 người Trưởng ban: Phạm Ngọc Thành	
4	Hội đồng Khoa học - Đào tạo	Chủ tịch: Phó chủ tịch:	TL năm 2014
5	Ban giám hiệu	Hiệu trưởng: PGS.TS. Nguyễn Đăng Bình Hiệu phó: ThS. Lê Minh Thái	
6	Khối phòng, ban, trung tâm	1. Phòng Đào tạo	
		2. Phòng Công tác HSSV	
		3. Phòng Hành chính - Tổ chức	
		4. Phòng Kế hoạch - Tài chính	
		5. Phòng Quản trị - Phục vụ	TL năm 2019
		6. Phòng NCKH - QHQT	TL năm 2020
		6. Trung tâm Đào tạo - Hợp tác quốc tế	

		7. Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học	
		8. Phòng Thanh tra - Khảo thí - ĐBCLGD	TL năm 2016
		9. Trung tâm Đào tạo và hợp tác quốc tế	TL năm 2015
		10. Trung tâm ĐT theo nhu cầu xã hội	TL năm 2017
		11. Trung tâm Thí nghiệm - Thực tập	TL năm 2018
7	Khối các khoa	1. Khoa Cơ bản	
		2. Khoa Cơ khí	
		3. Khoa Điện - Điện tử	
		4. Khoa Kinh tế	
		5. Khoa Công nghệ thông tin	TL năm 2020
		6. Khoa Y - Dược	TL năm 2018
8	Các tổ chức đoàn thể	1. Chi bộ Đảng	
		2. Công đoàn	
		3. Đoàn Thanh niên	

4.2.3.2. Giải pháp chiến lược

a. Xây dựng Kế hoạch và kế hoạch thực hiện mục tiêu cho từng giai đoạn.

b. Hoàn thiện cơ chế quản lý và sử dụng nguồn nhân lực hiện có. Tiếp tục hoàn thiện hệ thống văn bản về quản lý theo hướng phân công, phân cấp rõ ràng trách nhiệm, quyền hạn của tập thể và cá nhân.

c. Xây dựng và hoàn thiện một số quy định về tiêu chuẩn tuyển dụng, bổ nhiệm, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá, sàng lọc đội ngũ cán bộ quản lý và giảng viên. Thực hiện chính sách thu hút nhân tài, ưu tiên tuyển dụng người có trình độ cao, có học hàm học vị cao từ nhiều nguồn để bổ sung cho đội ngũ giảng dạy và cán bộ quản lý.

d. Xây dựng chế độ đãi ngộ, thù lao theo năng lực và kết quả công việc nhằm nâng cao thu nhập và động viên đội ngũ cán bộ, giảng viên và nhân viên tận tâm với nhiệm vụ được giao. Quy hoạch lại công tác đào tạo phát triển đội ngũ cán bộ giảng viên phù hợp với phát triển các ngành đào tạo của nhà trường, hướng đến xây dựng các chương trình đào tạo chất lượng cao. Xây dựng và thực hiện chính sách ưu tiên cử giảng viên trẻ đi học tập và nghiên cứu tại nước ngoài, cử đi đào tạo nâng cao trình độ về ngoại ngữ, công bố các công trình nghiên cứu khoa học, tham dự các chương trình tập huấn, hội nghị, hội thảo cấp quốc gia và quốc tế để nâng cao trình độ chuyên môn và kinh nghiệm giảng dạy, nghiên cứu.

e. Xây dựng Kế hoạch và phương pháp đánh giá hợp lý các hoạt động giảng dạy của giảng viên, nâng cao tinh thần tự học, sáng tạo của sinh viên để nâng cao chất lượng đào tạo

f. Thành lập Hội đồng Khoa học Giáo dục và từng bước thành lập các đơn vị mới đáp ứng với quy mô đào tạo, ngành nghề được mở rộng và đội ngũ cán bộ, giảng viên tăng.

g. Đổi mới công tác quản lý Nhà trường, xây dựng các quy chế hoạt động, quy trình quản lý, xây dựng văn hóa Nhà trường, văn hóa chất lượng, văn hóa chuyên nghiệp trong mọi mặt hoạt động, từ đó tạo dựng được môi trường giáo dục thân thiện với người học và với chính đội ngũ cán bộ giảng viên Nhà trường. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin vào các hoạt động quản lý của Nhà trường.

4.2.4. Chiến lược phát triển công tác đảm bảo chất lượng giáo dục

4.2.4.1. Các mục tiêu chiến lược

Công tác đảm bảo chất lượng đóng vai trò rất quan trọng trong một trường đại học. Chất lượng đào tạo của một cơ sở đào tạo đại học chỉ được khẳng định khi thực hiện kiểm định chất lượng đào tạo. Mục tiêu chiến lược cụ thể của công tác đảm bảo chất lượng giáo dục cụ thể:

- Thành lập phòng Kiểm định chất lượng và hệ thống kiểm định chất lượng trong toàn trường;

- Thực hiện kiểm định cơ sở đào tạo vào các năm 2017, 2022, 2028;

- Đến năm 2025 phần đầu có 2 chương trình đào tạo được kiểm định chất lượng; đến năm 2030 có 6 chương trình đào tạo được kiểm định chất lượng theo bộ tiêu chuẩn của hiệp hội các trường đại học Đông Nam Á (AUN);

- Đến năm 2020 có 100% môn học/học phần có ngân hàng đề thi, đáp án chất lượng. Tăng số lượng môn học/học phần thi bằng hình thức trắc nghiệm khách quan đạt 20% vào năm 2020 và đạt 100% vào năm 2030. Tương ứng giảm số lượng môn học/ học phần thi bằng hình thức tự luận.

4.2.4.2. Các giải pháp của chiến lược

- Tách tổ Khảo thí - KĐCLGD từ phòng Đào tạo để thành lập Phòng Thanh tra - Khảo thí - Đảm bảo chất lượng GD.

- Gắn liền hoạt động đảm bảo chất lượng giáo dục với hoạt động quản lý của nhà trường, từng bước hiện thực quản lý nhà trường theo bộ tiêu chuẩn chất lượng ISO 9000.

- Đẩy mạnh vận hành công tác đảm bảo chất lượng giáo dục của Nhà trường theo mô hình 2 cấp: cấp trường và cấp đơn vị trực thuộc.

- Định kỳ rà soát công tác đảm bảo chất lượng giáo dục; xây dựng và bổ sung minh chứng cho các hoạt động của nhà trường gắn với bộ tiêu chí đảm bảo chất lượng giáo dục để thực hiện mục tiêu kiểm định chất lượng đào tạo cơ sở giáo dục và kiểm định chất lượng chương trình đào tạo như mục tiêu chiến lược đã đề ra.

- Đầu tư kinh phí và huy động các khoa, đội ngũ giảng viên có trình độ cao biên soạn ngân hàng câu hỏi thi theo hướng tăng cường các học phần thi bằng hình thức trắc nghiệm.

- Thực hiện tốt công tác tuyên truyền về đảm bảo chất lượng giáo dục đại học, từng bước xây dựng văn hóa đảm bảo chất lượng trong Nhà trường.

4.2.5. Chiến lược xây dựng và quản lý cơ sở vật chất

4.2.5.1. Mục tiêu chiến lược

Tập trung mọi nguồn lực về tài chính để đầu tư xây dựng cơ sở vật chất hiện đại, đồng bộ, đáp ứng được yêu cầu về đào tạo chất lượng, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ của Nhà trường.

Các mục tiêu cụ thể:

- Thực hiện xây dựng theo Kế hoạch xây dựng Trường Đại học Việt Bắc giai đoạn I, 2012 - 2015, đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên phê duyệt theo Quyết định số 1357/QĐ-UBND ngày 26 tháng 6 năm 2012 của Chủ tịch UBND tỉnh, cụ thể :

+ Năm 2014, hoàn thành xây dựng dựng các hạng mục công trình: Nhà ký túc xá 5 tầng đủ chỗ cho 300 SV ở;

+ Đến năm 2016, hoàn thành hệ thống giao thông nội bộ, hệ thống cấp thoát nước, khuôn viên, cây xanh trong diện tích của Kế hoạch giai đoạn I;

- Lập Kế hoạch xây dựng Trường Đại học Việt Bắc giai đoạn II, 2016 - 2021 trình Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên phê duyệt và thực hiện xây dựng đúng tiến độ của Kế hoạch;

- Đến năm 2018, hoàn thành bồi thường, giải phóng mặt bằng và san lấp đất trên toàn diện tích của Dự án.

4.2.5.2. Các giải pháp thực hiện

- Xây dựng kế hoạch xây dựng cụ thể cho từng giai đoạn: Kế hoạch xây dựng giai đoạn 2, 2016-2022; Sơ bộ xây dựng Kế hoạch xây dựng giai đoạn 3, 2023 - 2030.

- Cụ thể hoá kế hoạch xây dựng các hạng mục công trình của các kế hoạch giai đoạn 2, giai đoạn 3 trong từng năm kế hoạch.

- Xây dựng kế hoạch tài chính cho từng giai đoạn, từng năm để thực hiện các mục tiêu đã đề ra.

- Xây dựng kế hoạch huy động vốn, nguồn thu để đáp ứng kế hoạch tài chính cho từng giai đoạn.

4.2.6. Chiến lược Kế hoạch - tài chính

4.2.6.1. Mục tiêu chiến lược

Chuẩn bị nguồn lực tài chính đáp ứng các kế hoạch xây dựng cơ sở vật chất và các kế hoạch đầu tư trong các lĩnh vực đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và các lĩnh vực khác.

4.2.6.2. Giải pháp chiến lược

Để thực hiện được các mục tiêu chiến lược, Nhà trường đề ra các giải pháp sau:

- Xây dựng Kế hoạch tài chính cụ thể, chi tiết, khả thi cho từng giai đoạn kế hoạch và cho từng năm tài chính;

- Trên cơ sở kế hoạch tài chính hàng năm và từng giai đoạn, thông qua Hội đồng quản trị để xây dựng kế hoạch huy động vốn và sử dụng các nguồn thu khác đáp ứng với kế hoạch tài chính;

- Mở rộng các nguồn thu, đặc biệt các nguồn thu từ học phí, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và các nguồn thu khác;

- Kết nạp thêm các cổ đông mới có tiềm năng;

- Huy động vốn có kế hoạch từ các cổ đông;

- Minh bạch trong tài chính, tuân thủ theo đúng pháp luật về tài chính, thuế và các quy định khác của Nhà nước.

PHẦN V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN, GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ

5.1. Tổ chức thực hiện

- Tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức của CB, nhân viên, giảng viên và học sinh sinh viên về vai trò và vị trí quan trọng của Kế hoạch chiến lược đối với sự phát triển của Trường.

- Hội đồng quản trị, Hội đồng Khoa học - Đào tạo, Ban Giám hiệu và Chi bộ Đảng chỉ đạo các đơn vị trong Trường và các cá nhân cụ thể hóa thành "Kế hoạch chiến lược xây dựng Trường Đại học Việt Bắc giai đoạn 2013 - 2020 và

tầm nhìn đến năm 2030" thành kế hoạch của các đơn vị và các cá nhân để từng bước triển khai thực hiện thắng lợi Kế hoạch đã xây dựng.

- Định kỳ xem xét, đánh giá kết quả thực hiện và có những điều chỉnh, bổ sung kịp thời các chỉ tiêu, biện pháp...cho phù hợp với thực tiễn.

5.2. Tổ chức giám sát và đánh giá thực hiện Kế hoạch

- Thường xuyên kiểm tra, giám sát việc thực hiện Kế hoạch và kịp thời điều chỉnh xây dựng kế hoạch hành động năm tiếp theo để phù hợp với chiến lược phát triển chung của Nhà trường và phù hợp với thực tiễn của ngành giáo dục Việt Nam.

- Giao cho Phòng Tổng hợp là đơn vị theo dõi, đôn đốc việc thực hiện Kế hoạch theo từng lộ trình đã xây dựng.

Thái Nguyên, ngày 08 tháng 3 năm 2013

HIỆU TRƯỞNG

(Đã ký)

PGS.TS. Nguyễn Đăng Bình